

Bản án số: 1202/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24/4/2023

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Mạnh Tường

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:** Ông Trần Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1954/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 08 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 665/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thanh N, sinh năm 1988 (có mặt)

Số chứng minh nhân dân: 240861907 do Giám đốc Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 16/06/2015.

Địa chỉ: Số A Đường B, Khu phố C, Phường D, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1976 (có mặt)

Số căn cước công dân: 051076017576 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/11/2021.

Địa chỉ: Số A Đường B, Khu phố C, Phường D, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn bà Võ Thị Thanh N thì:

Bà và ông Nguyễn Văn C tự nguyện tìm hiểu khoảng 04 năm, tự nguyện tiến tới hôn nhân, được Ủy ban Nhân dân thị trấn E, huyện F, tỉnh H cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 04/01/2012.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ mâu thuẫn tình cảm và tài chính do bản thân bà N không đi làm mà ở nhà trông con. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi vã nhau, ông C có đánh bà. Từ ngày 15/06/2022 bà N đã chuyển ra ngoài sống riêng cho đến nay. Bà N đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không được. Nay xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Võ Văn S (nam), sinh ngày 30/08/2011 và Nguyễn Văn Thành Đ (nam), sinh ngày 12/04/2017. Bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn Thành Đ và ông C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Võ Văn S. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Tôi thống nhất với trình bày của bà N về việc đăng ký kết hôn, thời gian kết hôn.

Sau khi kết hôn, cuộc sống hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc và vui vẻ được hai năm sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc bà N có mối quan hệ tình cảm với người khác giới và bỏ nhà đi qua đêm nhiều lần. Ông C muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng chăm sóc các con và để các con có đầy đủ cha mẹ.

Về con chung: Ông C và bà N có 02 con chung tên Nguyễn Võ Văn S (nam), sinh ngày 30/08/2011 và Nguyễn Văn Thành Đ (nam), sinh ngày 12/04/2017. Trường hợp phải ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại phiên tòa:

Bà Võ Thị Thanh N trình bày: Bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà N và ông C có 02 con chung tên Nguyễn Võ Văn S (nam), sinh ngày 30/08/2011 và Nguyễn Văn Thành Đ (nam), sinh ngày 12/04/2017. Bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn Thành Đ, ông Nguyễn Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Võ Văn S. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông đồng ý ly hôn với bà N. Về con chung: Ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, cần rút kinh nghiệm. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký

đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Thanh N. Về con chung giao con chung Nguyễn Văn Thành Đ cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Võ Văn S cho ông Nguyễn Văn C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Võ Thị Thanh N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn C cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đơn khởi kiện của bà N phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Bà Võ Thị Thanh N và ông Nguyễn Văn C tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện F, tỉnh H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 04/01/2012 nên là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị Thanh N, Hội đồng xét xử xét, theo lời trình bày của bà N, ông C thì sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Theo bà N thì mâu thuẫn phát sinh từ tình cảm và tài chính do bà phải ở nhà giữ con nên không đi làm, còn ông C cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bà N có quan hệ tình cảm với người khác. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà N và ông C đã phát sinh từ lâu nhưng cả hai không có cách giải quyết dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng hơn. Theo lời

khai của ông C, bà N thì giữa ông bà xuất hiện rất nhiều mâu thuẫn dẫn đến xô xát, bà N đã nhiều lần bỏ nhà đi, lần gần nhất là từ tháng 6/2022 đến nay. Theo kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân phường D thì bà N đã không sinh sống tại địa chỉ số A Đường B, Khu phố C, Phường D, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà N và ông C đã trầm trọng, hai lần bà N nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng sau đó đều rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, mâu thuẫn vẫn không được giải quyết mà còn trầm trọng hơn, làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cả bà N, ông C và cả gia đình ông bà.

Như vậy, bà N, ông C đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng là phải sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình như theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa, ông C đồng ý ly hôn với bà N. Vì vậy, có cơ sở công nhận bà N và ông C thuận tình ly hôn.

Về con chung: Căn cứ theo Giấy khai sinh số 357 ngày 24/5/2017 và Giấy khai sinh số 08 Quyển 01 ngày 04/01/2012 cùng của Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện F, tỉnh H thì xác định ông Nguyễn Văn C và bà Võ Thị Thanh N có hai con chung là Nguyễn Võ Văn S (nam), sinh ngày 30/08/2011 và Nguyễn Văn Thành Đ (nam), sinh ngày 12/04/2017.

Bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn Thành Đ (nam), sinh ngày 12/04/2017, ông C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Võ Văn S (nam), sinh ngày 30/08/2011. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Văn C yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 02 con chung. Không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét, theo lẽ thường, trẻ cần được sống chung với cả cha và mẹ, cần có tình thương và sự dạy dỗ trực tiếp của cả cha mẹ để phát triển bình thường về mọi mặt nhưng mâu thuẫn giữa ông C và bà N không thể hàn gắn nếu sống chung thì sẽ tạo ra những mâu thuẫn lớn hơn ảnh hưởng đến tâm sinh lý của các con. Sau khi cha mẹ ly hôn, cần phải giao con cho một bên cha

hoặc mẹ để ổn định cuộc sống và tâm lý của trẻ. Dù giao con cho cha hay mẹ thì cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, dạy dỗ con chung. Nếu bà N và ông C thực sự thương yêu các con sẽ tạo mọi điều kiện tốt nhất để các con phát triển về thể chất và tinh thần, có đủ tình thương của cha cả cha và mẹ.

Theo kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân phường D thì bà N đã không sống tại địa chỉ số A Đường B, Khu phố C, Phường D, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 6/2021. Theo trình bày của các đương sự thì cả hai con từ lúc bà N dọn đi đều sống chung với ông C, được ông C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trẻ Nguyễn Võ Văn S trình bày có nguyện vọng được sống chung với ông Nguyễn Văn C.

Về điều kiện vật chất, bà N hiện vẫn thuê nhà trọ, ông C hiện có nhà riêng, ổn định. Tại Giấy xác nhận ngày 12/9/2022, Công ty TNHH SXTM T&M xác nhận mức lương của ông C là 15.200.000đồng/01 tháng. Công việc của ông có đủ thời gian để đưa đón các con đi học và chăm sóc các con khi về nhà, công việc này ông đã làm từ trước đến nay, không có khó khăn trở ngại gì. Ông C vẫn tạo điều kiện để bà N về nhà chăm sóc, dạy dỗ các con.

Bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn Thành Đ (nam), sinh ngày 12/04/2017. Tại phiên tòa cả ông C và bà N đều xác nhận trẻ Nguyễn Văn Thành Đ ở nhà mà không thấy ông C là khóc đòi cha do trẻ bị tâm lý. Như vậy, nếu tách bé ra khỏi môi trường sống hiện tại sẽ làm ảnh hưởng trực tiếp đến tinh thần của trẻ.

Căn cứ Án lệ số 54/2022/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 07/9/2022 được công bố theo Quyết định 323/QĐ-CA ngày 14/10/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao, chỉ vì mâu thuẫn vợ chồng bà Võ Thị Thanh N đã dọn ra ngoài sinh sống từ tháng 6/2022 đến nay. Ông C chăm sóc các con vẫn tốt, bảo đảm các điều kiện sống tốt cho các con. Hai trẻ đã quen với môi trường sống ông C nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử nghĩ nên giao hai trẻ Nguyễn Võ Văn S (nam), sinh ngày 30/08/2011 và Nguyễn Văn Thành Đ (nam), sinh ngày 12/04/2017 cho ông Nguyễn Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo điều kiện sống và phát triển tốt nhất cho trẻ.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên Tòa án không xem xét.

Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát đối với phần quan hệ hôn nhân, tài sản chung, nợ chung có căn cứ, đối với phần con chung không căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273, Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Các điều Điều 55; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Án lệ số 54/2022/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 07/9/2022 được công bố theo Quyết định 323/QĐ-CA ngày 14/10/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao
- Luật Phí, lệ phí năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;
- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị Thanh N:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thanh N, sinh năm 1988 và ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1976 thuận tình ly hôn.

1.2 Về con chung: Ông Nguyễn Văn C và bà Võ Thị Thanh N có 02 con chung là Nguyễn Võ Văn S (nam), sinh ngày 30/08/2011 và Nguyễn Văn Thành Đ (nam), sinh ngày 12/04/2017.

Giao 02 con chung Nguyễn Võ Văn S (nam), sinh ngày 30/08/2011 và Nguyễn Văn Thành Đ (nam), sinh ngày 12/04/2017 cho ông Võ Văn Chương trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông C không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.4 Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.5 Nợ chung: Không có.

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng bà Võ Thị Thanh N phải nộp, được cản trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 028182 ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Buôn Tráp, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thanh